

tuông vô cớ, vợ chồng không nhường nhịn nhau trong cuộc sống. Do cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị L yêu cầu ly hôn với anh O.

Thời gian chung sống anh chị có 02 con chung tên Trần Chúc N, sinh ngày 03/9/2011 và Trần Bội G, sinh ngày 26/9/2013. Hiện nay con chung chị L nuôi dạy. Khi ly hôn, chị L yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung và yêu cầu anh O cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Huỳnh Chúc L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn O. Do chị L và anh O chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; anh O có địa chỉ tại ấp B, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh O nhưng anh O không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị L và vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh O theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với chị L, ngày 24/4/2020 chị L có yêu cầu xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Chúc L và anh Trần Văn O tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 06/9/2010. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Xét thấy, tại đơn khởi kiện chị L yêu cầu ly hôn với anh O là có cơ sở. Bởi vì, thời gian chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau và ly thân từ năm 2019 đến nay có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã TL. Mặt khác, Tòa án có tổ chức hòa giải để

anh chị có điều kiện gặp nhau thỏa thuận thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh O vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Huỳnh Chúc L và anh Trần Văn O được ly hôn.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung tên Trần Chúc N, sinh ngày 03/9/2011 và Trần Bội G, sinh ngày 26/9/2013. Xét thấy, việc chị L yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung là có căn cứ. Bởi vì, con chung hiện nay do chị L nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con chung sẽ làm ảnh hưởng đến tình cảm của các cháu. Hơn nữa, cháu N và cháu G là nữ và tại bản tự khai ngày 26/3/2020 các cháu có yêu cầu và nguyện vọng được tiếp tục chung sống với chị L. Do cháu N và cháu G đã trên 07 tuổi nên yêu cầu và nguyện vọng của các cháu được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần tiếp tục giao con chung cho chị L nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện, chị L yêu cầu anh O cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa 1.000.000 đồng/tháng đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Xét việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên nên yêu cầu của chị L về việc yêu cầu anh O cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Tuy nhiên mức cấp dưỡng nuôi con mà chị L yêu cầu cao hơn so với pháp luật quy định nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định pháp luật. Vì vậy buộc anh O có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng với số tiền 745.000 đồng/con chung đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[5] Về lỗi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Anh Trần Văn O phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Tại đơn khởi kiện, chị L xác định thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và không có yêu cầu giải quyết. Tại xác nhận ngày 02/3/2020 của Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xác nhận thời gian chung sống anh chị không có bị ai khiếu kiện nợ tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Chúc L phải chịu án phí – Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt đối với chị Huỳnh Chúc L và anh Trần Văn O.

2. Về hôn nhân: Chị Huỳnh Chúc L và anh Trần Văn O được ly hôn.

3. Về con chung: Giao con chung tên Trần Chúc N, sinh ngày 03/9/2011 (giới tính nữ) và Trần Bội G, sinh ngày 26/9/2013 (giới tính nữ) cho chị Huỳnh Chúc L tiếp tục nuôi dạy. Anh Trần Văn O có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật với số tiền 745.000 đồng/tháng/con chung kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh O không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

5. Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ khi án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của chị L (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh O còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

6. Về án phí

6.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Chúc L phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 02 tháng 3 năm 2020 chị L có dự nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0011053 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

6.1. Án phí cấp dưỡng: Anh Trần Văn O phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng).

7. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bản án này là sơ thẩm, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

8.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kiều Trang